

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1094/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 17 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong Điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1242/TTr-SGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐT BXH, KHĐT, TC, NV, TTTT;
- Đoàn TNCS HCM tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Nông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và
định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông
giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

(Kèm theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

**I. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ
PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

1. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp

Thực hiện Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số 7475/BGDĐT-GDTrH ngày 15/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2008 - 2009; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường trung học cơ sở (THCS), các trường trung học phổ thông (THPT) và các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp THCS và THPT (sau đây gọi chung là trường THPT) triển khai thực hiện Chương trình giáo dục hướng nghiệp lớp 9, lớp 10, lớp 11, lớp 12 trong các nhà trường.

Đến nay, toàn tỉnh có 84 trường THCS và 32 trường THPT đều thực hiện giảng dạy Chương trình giáo dục hướng nghiệp với thời lượng 9 tiết/lớp/năm học theo các chủ đề được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Việc triển khai giảng dạy hoạt động giáo dục hướng nghiệp đã có tác động tích cực đến việc định hướng nghề nghiệp của học sinh cuối cấp THCS và cấp THPT. Bên cạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp, việc dạy môn Công nghệ và Nghề phổ thông trong các trường THCS và các trường THPT góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp.

Đối với công tác tư vấn hướng nghiệp, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường trung học phối hợp chặt chẽ với các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngoài tỉnh, trường trung cấp nghề trên địa bàn tỉnh đến tư vấn chọn nghề, tư vấn tuyển sinh cho học sinh để các em có điều kiện tiếp cận thực tế về ngành nghề, từ đó các em tìm đến các cơ sở học nghề, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện kinh tế gia đình và nhu cầu của xã hội.

2. Công tác phân luồng học sinh

Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa



trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Chương trình số 13-CTr/TU ngày 26/4/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW; Chương trình số 32-CTr/TU ngày 29/11/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2015 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình số 32-CTr/TU; trong những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo luôn chú trọng đến công tác phân luồng học sinh sau trung học và được đẩy mạnh ở các cơ sở giáo dục, do đó, đã từng bước nâng cao được nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học các trường trung cấp, cao đẳng nghề.

Kết quả khảo sát phân luồng học sinh sau THCS cho thấy, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS có xu hướng vào học THPT hoặc giáo dục thường xuyên chiếm tỷ lệ lớn, từ 89,3% đến 93,9%. Trong khi đó, tỷ lệ học sinh sau THCS đi học nghề thấp, nhất là vào học các trường trung cấp nghề, năm có tỷ lệ cao nhất chỉ chiếm 2,3%; số còn lại tham gia lao động sản xuất, phụ giúp kinh tế gia đình. Đối với phân luồng học sinh sau THPT, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT thi đỗ vào các trường Đại học qua các năm tăng, từ năm học 2013 - 2014 là 33,8% đến năm học 2017 - 2018 là 43,1%, trong khi tỷ lệ học sinh vào học các trường Cao đẳng giảm dần, năm học 2017 - 2018 chỉ chiếm 16,9%. Số học sinh đi học nghề sơ cấp và vào các trường trung cấp chiếm từ 19% đến 25,1%. Số học sinh còn lại có xu hướng tiếp tục ôn thi để thi vào Đại học, Cao đẳng các năm sau đó và tham gia lao động sản xuất chiếm tỷ lệ khá cao, từ 16% đến 19% (phụ lục 1).

3. Đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông

a) Ưu điểm

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp được các nhà trường triển khai thực hiện từ nhiều năm nay; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp có trách nhiệm, có tâm huyết và tận tụy với công việc, nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục hướng nghiệp trong thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần vào việc phân luồng học sinh phổ thông trung học.

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường giúp học sinh có những hiểu biết ban đầu về nghề nghiệp, để có thể định hướng phát triển, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu xã hội đang cần.

- Công tác phân luồng học sinh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các ban, ngành, đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc vận động học sinh đến trường, tư vấn nghề nghiệp để thu hút học sinh vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường trung cấp, cao đẳng, góp phần làm giảm tỷ lệ học sinh bỏ học và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

b) Hạn chế, bất cập

- Chất lượng giờ dạy Hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học chưa cao, chưa gắn chặt với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại địa phương; việc tích hợp nội dung hướng nghiệp vào các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa được các trường quan tâm thực hiện đúng mức.

- Đội ngũ giáo viên ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tay nghề giỏi còn ít, hiệu quả đào tạo nghề chưa cao và cơ cấu ngành nghề đào tạo còn chưa phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

- Công tác huy động học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, tốt nghiệp THPT đi học các trường trung cấp, cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn gặp rất nhiều khó khăn, chưa đạt yêu cầu, nhất là tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp THCS đi học nghề thấp, số học sinh tham gia lao động chưa qua đào tạo còn cao.

c) Nguyên nhân hạn chế

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về việc tư vấn nghề và hướng nghiệp của học sinh ít được các ngành chức năng tại địa phương quan tâm, chủ yếu giao phó cho ngành giáo dục, do đó hiệu quả việc chọn ngành nghề chưa cao.

- Đội ngũ giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn hướng nghiệp đều kiêm nhiệm, bên cạnh đó, một số trường trung học chưa quan tâm đến công tác giáo dục hướng nghiệp, thiếu sự phối hợp với doanh nghiệp trên địa bàn để đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho công tác giáo dục hướng nghiệp, nhất là ở vùng khó khăn còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu; kinh phí dành cho công tác tư vấn hướng nghiệp không có.

- Chưa có cơ chế chính sách đủ mạnh để tác động nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp và khuyến khích học sinh tham gia học nghề sau khi tốt nghiệp THCS và THPT.

- Nhận thức của cha mẹ học sinh và học sinh vẫn còn nặng bằng cấp, nguyện vọng mong muốn vào học các trường Đại học, trong khi đó coi nhẹ việc học nghề (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng).

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRONG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát huy những kết quả đạt được, tiếp tục tập trung chỉ đạo và huy động các nguồn lực đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất trường học, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, tạo điều kiện tốt cho học sinh vừa học văn hóa vừa học nghề, tăng cường công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh gia đình, năng lực học sinh, góp phần chuyển biến tích cực công

tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo của lực lượng lao động, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

b) Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu đến năm 2020:

Phần đầu đạt ít nhất 50% trường THCS và trường THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương;

Phần đầu đạt ít nhất 50% trường THCS và trường THPT có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ;

Phần đầu đạt 25% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp;

Phần đầu ít nhất 30% học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

- Mục tiêu đến năm 2025:

Phần đầu đạt ít nhất 80% trường THCS và trường THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương;

Phần đầu đạt ít nhất 80% trường THCS và trường THPT có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ;

Phần đầu đạt 30% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp;

Phần đầu ít nhất 35% học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng;

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

a) Điều tra, rà soát, thống kê phân luồng học sinh phổ thông, gắn với việc vận động học sinh sau tốt nghiệp THCS có năng lực phù hợp với việc học nghề, tham gia vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp

Chính quyền cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cùng với các cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn trong việc điều tra, thống kê hiện trạng phân luồng học sinh phổ thông với điều tra phổ cập giáo dục, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về phân luồng học sinh phổ thông.

Cấp ủy, chính quyền địa phương giao trách nhiệm cho các đoàn thể phối hợp với các trường THCS trên địa bàn vận động các gia đình động viên con, em

học nghề ngay sau khi tốt nghiệp THCS khi biết con, em mình có năng lực phù hợp với việc học nghề, không ép con, em thi vào các trường THPT để không gây lãng phí về thời gian, chi phí của gia đình và ảnh hưởng đến việc làm sau này của các em.

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông

- Cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục trung học đổi mới và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông đến toàn thể cha mẹ học sinh, học sinh và trong các tầng lớp nhân dân, để làm cho mọi người nhận thức đúng về học nghề trong việc giải quyết việc làm, giảm bớt tâm lý nặng bằng cấp, góp phần giúp cho học sinh lựa chọn trường nghề sau khi tốt nghiệp THCS, từ đó thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi để thu hút phần lớn thanh niên đi học nghề. coi việc giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc tạo sự cân đối trong cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo lực lượng lao động.

- Đưa nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông vào chủ trương, kế hoạch chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương.

- Xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; hình thành cơ sở dữ liệu về nghề nghiệp, thị trường lao động và thông tin, dữ liệu liên quan đến ngành, nghề; mô tả ngành, nghề và thông tin tuyển dụng, sử dụng lao động của từng ngành, nghề, tương ứng với từng vùng miền, khu vực; kết nối giữa các trường phổ thông với cơ quan dự báo nhu cầu nhân lực, hội nghề nghiệp, hội doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp.

- Các cơ sở giáo dục trung học tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh... tổ chức các hoạt động tuyên truyền về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh phổ thông như: Cung cấp thông tin cho học sinh sau khi tốt nghiệp THCS, học sinh có thể vừa học nghề, vừa học văn hóa ở các trường trung cấp, đảm bảo sau khi kết thúc chương trình đào tạo nghề, học sinh dự thi để lấy bằng tốt nghiệp trung cấp nghề và bằng tốt nghiệp THPT; tổ chức ngày hội tư vấn, hướng nghiệp; thi tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp; hoạt động giới thiệu và tuyên truyền nghề; các hoạt động giao lưu của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân... giúp cho học sinh hiểu rõ về khả năng của bản thân và điều kiện gia đình trong việc lựa chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học.

c) Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông

- Đổi mới nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường:

Đối với Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành: Các cơ sở giáo dục trung học tiếp tục đổi mới nội dung dạy học trong Chương trình theo hướng tinh giản những nội dung dạy học quá khó, những nội dung trùng lặp; nghiên cứu, cập nhật những kiến thức mới, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi và trình độ nhận thức của học sinh; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tổ chức cho các tổ chuyên môn nghiên cứu, bổ sung, cập nhật các nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn.

Đối với Chương trình giáo dục phổ thông mới: Các cơ sở giáo dục trung học đặc biệt chú trọng đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong Chương trình các môn học và hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán (giáo dục STEM) trong Chương trình phù hợp với xu hướng phát triển ngành nghề của địa phương, đáp ứng thị trường lao động, chuẩn bị điều kiện đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Các cơ sở giáo dục trung học đa dạng hóa, vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh, giúp học sinh tự xác định trình độ và năng lực của bản thân ngay từ khi còn đang học lớp 8 để định hướng lựa chọn nghề phù hợp sau khi tốt nghiệp THCS; cung cấp kịp thời thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách đối với người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp, chính sách ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, xu hướng thị trường lao động và nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

- Các cơ sở giáo dục trung học, các cơ quan quản lý giáo dục tăng cường phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp và học sinh phổ thông sau khi tốt nghiệp vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng mô hình thí điểm các trường THCS và trường THPT về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh tại một số huyện, thị, trong đó áp dụng phương thức hướng nghiệp tiên tiến, có sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp.

- Các cấp chính quyền địa phương cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về nhu cầu lao động, thị trường lao động của địa phương và trong cả nước cho các cơ sở giáo dục.

- Các cơ sở giáo dục trung học đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi kinh nghiệm giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông, về nhu cầu lao động, thị trường lao động.

d) Xây dựng, phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong các trường trung học

- Cung cấp tài liệu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp theo từng cấp học.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng tư vấn, phương pháp tư vấn hiện đại với sự trợ giúp

của công nghệ thông tin cho đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp.

- Thu hút các nhà khoa học, các nhà quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nhân,... trong và ngoài tỉnh tham gia làm công tác tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

- Có kế hoạch sử dụng hợp lý đội ngũ giáo viên của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

đ) Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông

- Tiếp tục đầu tư, mua sắm hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM tại một số trường trung học trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề.

e) Hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định về giáo dục hướng nghiệp và bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách đối với học sinh đi học nghề trên địa bàn tỉnh

- Hướng dẫn thực hiện tiêu chí đánh giá việc thực hiện giáo dục hướng nghiệp trong cơ sở giáo dục phổ thông; tiêu chuẩn lựa chọn đối với người làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong trường phổ thông.

- Hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, tiêu chí kỹ thuật về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

- Cung cấp, phổ biến thông tin về cơ chế chính sách cho học sinh học liên thông giữa các trình độ đào tạo, lên các cấp học cao hơn.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách đối với học sinh đi học nghề, hỗ trợ kinh phí cho học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh thuộc diện chính sách, học sinh sau tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

g) Huy động các nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông

- Tăng cường sự tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong xây dựng Chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm khai thác, sử dụng các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ cho giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

h) Tăng cường công tác quản lý đối với giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông

- Xây dựng và khai thác hiệu quả chuyên trang về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục và đào tạo.

- Thành lập bộ phận kiêm nhiệm quản lý, theo dõi về giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh tại các cấp quản lý giáo dục và các cơ sở giáo dục trung học.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên toàn tỉnh và các địa phương.

- Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm công tác hướng nghiệp trong các trường phổ thông.

3. Kinh phí và lộ trình thực hiện Kế hoạch

3.1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch

a) Nguồn kinh phí

- Nguồn ngân sách nhà nước được giao hàng năm cho các sở, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách; nguồn kinh phí lồng ghép trong các Chương trình, đề án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn xã hội khác.

- Nguồn vốn vay ODA từ các Chương trình, dự án.

b) Nguồn ngân sách nhà nước được chi cho các hoạt động

- Biên soạn tài liệu tham khảo, tài liệu tập huấn phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh và tập huấn giáo viên.

- Xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục và đào tạo.

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; tập huấn giáo viên về dạy học tích hợp giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM.

- Hỗ trợ thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp, giáo dục STEM cho một số trường trung học, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện được lựa chọn thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Thực hiện những hoạt động khác theo nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

c) Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo là **748.900.000** đồng (*phụ lục 6*), trong đó:

- Kinh phí chi tập huấn bồi dưỡng giáo viên là **158.100.000** đồng (*phụ lục 3*).
- Kinh phí chi biên soạn chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật nội dung giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành là **145.800.000** đồng (*phụ lục 4*).
- Kinh phí chi xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh là **60.000.000** đồng. Kinh phí này được quyết toán theo hợp đồng với cơ quan xây dựng trang thông tin và thực hiện đúng theo các văn bản quy định hiện hành.
- Kinh phí hỗ trợ thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp là **330.000.000** đồng. Kinh phí này được lập dự toán và quyết toán đúng theo các văn bản quy định hiện hành.
- Kinh phí chi cho hoạt động Sơ kết và Tổng kết là **55.000.000** đồng (*phụ lục 5*).

3.2. Lộ trình thực hiện Kế hoạch

a) Từ năm 2018 đến năm 2020

- Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng và bố trí kinh phí thực hiện các mục tiêu Kế hoạch giai đoạn 2018 - 2020.
- Bổ sung, cập nhật nội dung giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp trong Chương trình giáo dục phổ thông mới.
- Hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn, tiêu chí kỹ thuật về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.
- Hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách về việc học sinh học liên thông giữa các trình độ đào tạo, lên các cấp học cao hơn; cơ chế chính sách khuyến khích học sinh đi học nghề; hỗ trợ kinh phí cho học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh thuộc diện chính sách và những cơ sở đào tạo học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm làm công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong trường phổ thông.
- Xây dựng chuyên trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông.
- Hỗ trợ thiết bị dạy học cho một số cơ sở giáo dục được lựa chọn thí điểm về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.
- Đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2018 - 2020 và triển khai giai đoạn tiếp theo.

b) Từ năm 2020 đến năm 2025

- Tiếp tục hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất tại một số cơ sở giáo dục triển khai thí điểm và tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm thực hiện giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông.

- Duy trì và hoàn thiện các hoạt động đã triển khai giai đoạn từ năm 2018 - 2020.

- Bổ sung, điều chỉnh một số hoạt động (nếu cần thiết) phù hợp với yêu cầu chung, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả.

- Tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào cuối năm 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc thực hiện đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Kế hoạch và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chí đánh giá việc thực hiện giáo dục hướng nghiệp trong cơ sở giáo dục phổ thông; tiêu chuẩn lựa chọn người làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp trong trường phổ thông; tiêu chuẩn, tiêu chí kỹ thuật về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông; cơ chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong định hướng nghề nghiệp và huy động nguồn lực cho giáo dục hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.

- Hướng dẫn địa phương, các cơ sở giáo dục thống kê, báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch theo từng cấp học và hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách về việc học sinh học liên thông giữa các trình độ đào tạo, lên các cấp học cao hơn.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông.

- Tiếp tục đổi mới tuyển sinh vào lớp 10 THPT theo hướng giảm dần tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT đến năm 2025, tăng dần tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS vào học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu Kế hoạch.

- Xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên hệ thống thông tin quản lý của ngành giáo dục và đào tạo.

- Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân khác tham gia tích cực, hiệu quả vào công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích học sinh sau trung học cơ sở tham gia học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Cung cấp thông tin cho Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về năng lực đào tạo, thông tin tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm; thông tin về nhu cầu việc làm, thị trường lao động theo định kỳ (hàng quý, 6 tháng, hàng năm).

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch; đặc biệt đổi mới nội dung, xây dựng chương trình dạy nghề phù hợp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, mở rộng ngành nghề đào tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, nhằm thu hút đông đảo học sinh sau tốt nghiệp THCS và tốt nghiệp THPT vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai các hoạt động giáo dục hướng nghiệp; tuyên truyền, giới thiệu ngành nghề đào tạo, chuẩn đầu ra và xu hướng việc làm của thị trường lao động, quy định về tuyển sinh nghề, chọn nghề phù hợp với năng lực bản thân và điều kiện kinh tế gia đình.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh cân đối và lồng ghép các nguồn kinh phí trong các Chương trình, dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính

Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện hàng năm từ các đơn vị để trình UBND tỉnh phê duyệt. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan cân đối, bố trí kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện chính sách đối với giáo viên kiêm nhiệm làm công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông.

6. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các phong trào thi đua, các cuộc vận động của tổ chức Đoàn, Hội, Đội liên quan đến hướng nghiệp cho học sinh.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với các địa phương chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông trên địa bàn, đồng thời động viên, tuyên dương kịp thời những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông

Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có liên quan để thực hiện kế hoạch, mở các chuyên mục tuyên truyền công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

9. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông

Khuyến khích, hướng dẫn các doanh nghiệp phối hợp với ngành giáo dục, các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng nội dung, tài liệu giáo dục hướng nghiệp, hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan để triển khai thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Bố trí kinh phí của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã để thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ sở giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên phối hợp khảo sát nhu cầu việc làm, nhu cầu đào tạo để làm cơ sở cho giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề gắn với địa chỉ cụ thể.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông địa phương làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phân công cán bộ theo dõi công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT và tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật số liệu phân luồng, gắn với điều tra về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Theo dõi, đôn đốc, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân khác tham gia tích cực, hiệu quả vào công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thủ trưởng các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh
Tôn Thị Ngọc Hạnh

Phụ lục 1

THỐNG KÊ PHÂN LƯỢNG HỌC SINH SAU THCS TỈNH ĐẮK NÔNG
GIAI ĐOẠN 2013-2018

Năm học	Tổng số HS tốt nghiệp THCS năm học trước liền kề	Số học sinh vào trường THPT		Số học sinh vào trung tâm GDTX học THPT		Số học sinh vào Trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề		Số học sinh vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo sơ cấp		Số học sinh tham gia lao động sản xuất	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2013-2014	7.767	6894	88,8%	223	2,9%	67	0,9%	227	2,9%	356	4,6%
2014-2015	7.957	6934	87,1%	207	2,6%	82	1,0%	350	4,4%	384	4,8%
2015-2016	8.345	7667	91,9%	172	2,1%	102	1,2%	88	1,1%	316	3,8%
2016-2017	8.199	7549	92,1%	151	1,8%	85	1,0%	116	1,4%	298	3,6%
2017-2018	8.122	7070	87,0%	185	2,3%	185	2,3%	265	3,3%	417	5,1%

THỐNG KÊ PHÂN LƯỢNG HỌC SINH SAU THPT TỈNH ĐẮK NÔNG
GIAI ĐOẠN 2013-2018

Năm học	Tổng số HS tốt nghiệp THPT năm học trước liền kề	Số học sinh vào các trường Đại học		Số học sinh vào các trường Cao Đẳng		Số học sinh vào Trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề		Số học sinh vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo sơ cấp		Số học sinh tham gia lao động sản xuất	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2013-2014	5.014	1696	33,8%	1104	22,0%	786	15,7%	474	9,5%	954	19,0%
2014-2015	5.187	1995	38,5%	1080	20,8%	900	17,4%	381	7,3%	831	16,0%
2015-2016	4.920	1976	40,2%	1012	20,6%	572	11,6%	498	10,1%	862	17,5%
2016-2017	4.976	2239	45,0%	874	17,6%	522	10,5%	423	8,5%	918	18,4%
2017-2018	5.323	2294	43,1%	899	16,9%	596	11,2%	589	11,1%	945	17,8%

Phụ lục 2

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THCS VÀ THPT
THÍ ĐIỂM VỀ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG
ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC HƯỚNG NGHIỆP TIÊN TIẾN
GIAI ĐOẠN 2018-2025**

TT	Tên trường	Xã/Phường/Thị trấn	Huyện/Thị xã	Thuộc khu vực
Các trường THCS				
1	THCS Nguyễn Du	Xã Quảng Khê	Huyện Đắk Glong	III
2	THCS Võ Thị Sáu	Xã Trúc Sơn	Huyện Cư Jút	II
3	THCS Lê Quý Đôn	Xã Trường Xuân	Huyện Đắk Song	II
4	THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Huyện Krông Nô	II
5	THCS Phan Bội Châu	Xã Đắk Nia	Thị xã Gia Nghĩa	II
6	THCS Hoàng Diệu	Xã Đắk Rla	Huyện Đắk Mil	I
7	THCS Lương Thế Vinh	Xã Quảng Tín	Huyện Đắk R'Lấp	II
8	THCS Nguyễn Du	Xã Quảng Tâm	Huyện Tuy Đức	III
Các trường THPT				
9	THPT Trường Chinh	Xã Nhân Cơ	Huyện Đắk R'Lấp	II
10	THPT Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Tân	Thị xã Gia Nghĩa	I
11	THPT Quang Trung	Xã Đắk Rla	Huyện Đắk Mil	I

Phụ lục 3

KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN
CÁC LỚP TẬP HUẤN BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
KIỂM NHIỆM CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2023

Đơn vị tính: đồng

T	Năm	Tổng số CBQL, GV	Số lớp bồi dưỡng	Số ngày tập huấn	Số báo cáo viên	Chế độ báo cáo viên				Tài liệu tập huấn (300 đồng/trang)	Nước uống (20.000 đồng/ngày/ người)	Văn phòng phẩm phục vụ tập huấn (200.000 đồng/lớp)	Cộng kinh phí	Trong đó kinh phí chia ra theo cấp học	
						Phụ cấp lưu trú (200.000 đồng/ngày)	Phòng nghỉ (350.000 đồng/ngày/ người)	Thù lao (600.000 đồng/buổi)	Chi phí phương tiện đi lại					THCS	THPT
1	2018	94	34	3	3	2.400.000	3.150.000	7.200.000	2.700.000	7.680.000	2.620.000	600.000	26.350.000	18.260.000	8.090.000
2	2019	94	34	3	3	2.400.000	3.150.000	7.200.000	2.700.000	7.680.000	2.620.000	600.000	26.350.000	18.260.000	8.090.000
3	2020	94	34	3	3	2.400.000	3.150.000	7.200.000	2.700.000	7.680.000	2.620.000	600.000	26.350.000	18.260.000	8.090.000
4	2021	94	34	3	3	2.400.000	3.150.000	7.200.000	2.700.000	7.680.000	2.620.000	600.000	26.350.000	18.260.000	8.090.000
5	2022	94	34	3	3	2.400.000	3.150.000	7.200.000	2.700.000	7.680.000	2.620.000	600.000	26.350.000	18.260.000	8.090.000
6	2023	94	34	3	3	2.400.000	3.150.000	7.200.000	2.700.000	7.680.000	2.620.000	600.000	26.350.000	18.260.000	8.090.000
Cộng		564	204	18	18	14.400.000	18.900.000	43.200.000	16.200.000	46.080.000	15.720.000	3.600.000	158.100.000	109.560.000	48.540.000

1. Phụ cấp lưu trú 01 báo cáo viên: 200.000 đồng x 4 ngày = 800.000 đồng

2. Phòng nghỉ 01 báo cáo viên: 350.000 đồng x 3 ngày = 1.050.000 đồng

3. Thù lao 01 báo cáo viên 01 ngày: 600.000 đồng/buổi x 02 buổi = 1.200.000 đồng/ngày

4. Tài liệu tập huấn cho 01 người: 200 trang x 300 đồng/trang = 60.000 đồng

5. Chi phí phương tiện (đi và về) TP Hồ Chí Minh - Đắk Nông cho 01 báo cáo viên: 900.000 đồng/người (kể cả vé Taxi)

Phụ lục 4

KINH PHÍ CHI BIÊN SOẠN CHÍNH SỬA, BỔ SUNG, CẬP NHẬT
GIÁO TRÌNH GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG CHƯƠNG TRÌNH HIỆN HÀNH

Đơn vị tính: đồng

TT	Lớp	Chi biên soạn chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật giáo trình giáo dục hướng nghiệp	Định mức/trang	Số trang/giáo trình	Số giáo trình	Thành tiền
1	9 THCS	Chi viết bổ sung, cập nhật giáo trình	13.500	30	84	34.020.000
		Chi sửa chữa và biên tập tổng thể	7.500	30	84	18.900.000
		Chi thẩm định nhận xét	6.000	30	84	15.120.000
Cộng (cấp THCS)						
2	10 THPT	Chi viết bổ sung, cập nhật giáo trình	13.500	30	32	12.960.000
		Chi sửa chữa và biên tập tổng thể	7.500	30	32	7.200.000
		Chi thẩm định nhận xét	6.000	30	32	5.760.000
3	11 THPT	Chi viết bổ sung, cập nhật giáo trình	13.500	30	32	12.960.000
		Chi sửa chữa và biên tập tổng thể	7.500	30	32	7.200.000
		Chi thẩm định nhận xét	6.000	30	32	5.760.000
4	12 THPT	Chi viết bổ sung, cập nhật giáo trình	13.500	30	32	12.960.000
		Chi sửa chữa và biên tập tổng thể	7.500	30	32	7.200.000
		Chi thẩm định nhận xét	6.000	30	32	5.760.000
Cộng (cấp THPT)						
Tổng cộng (THCS và THPT)						77.760.000
Tổng cộng (THCS và THPT)						145.800.000

Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính

Phụ lục 5

KINH PHÍ TỔ CHỨC SƠ KẾT, TỔNG KẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: đồng

T	T	Số lượng khách mời	Sơ kết				Tổng kết				Cộng			
			Văn phòng phẩm phục vụ Sơ kết	Nước uống (20.000 đồng/ngày/người)	Thuế Hội trường, Maket	Tài liệu Sơ kết	Văn phòng phẩm phục vụ Tổng kết	Nước uống (20.000 đồng/ngày/người)	Thuế Hội trường, Maket	Tài liệu Tổng kết		Số tập thể	Số cá nhân	Định mức (1.390.000/người)
1	2020	70	200.000	1.400.000	3.500.000	420.000								5.520.000
2	2025	80					200.000	1.600.000	480.000			41.700.000	1.500.000	49.480.030
Cộng		150	200.000	1.400.000	3.500.000	420.000	200.000	1.600.000	480.000	15	15	41.700.000	1.500.000	55.000.030

1. Tài liệu Sơ kết, Tổng kết cho 01 người: 20 trang x 300 đồng/trang = 6.000 đồng
2. Định mức khen thưởng được điều chỉnh cho phù hợp đến năm 2025.

Phụ lục 6

**BẢNG CÁN ĐỐI NGUỒN KINH PHÍ TỪNG NĂM
VỀ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LƯƠNG ĐẾN NĂM 2025**

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Trong đó chia ra			
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh (10%)	Xã hội hóa (10%)
I	Giai đoạn 2018 - 2020	620.370.000	239.550.000	314.820.000	33.000.000	33.000.000
1	Năm 2018	26.350.000	8.090.000	18.260.000		
1.1	Chi tập huấn giáo viên, trong đó:	26.350.000	8.090.000	18.260.000		
	Cấp THCS	18.260.000		18.260.000		
	Cấp THPT	8.090.000	8.090.000			
2	Năm 2019	472.150.000	145.850.000	278.300.000	24.000.000	24.000.000
2.1	Chi tập huấn giáo viên, trong đó:	26.350.000	8.090.000	18.260.000		
	Cấp THCS	18.260.000		18.260.000		
	Cấp THPT	8.090.000	8.090.000			
2.2	Chi xây dựng trang thông tin về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng	60.000.000	60.000.000			
2.3	Hỗ trợ thiết bị dạy học (máy tính, máy chiếu, băng, đĩa,) cho một trường thí điểm là 30.000.000 đồng; Kinh phí hỗ trợ cho 08 trường THCS là: 08 trường x 30.000.000 đồng	240.000.000		192.000.000	24.000.000	24.000.000
2.4	Chi biên soạn chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật giáo trình giáo dục hướng nghiệp	145.800.000	77.760.000	68.040.000		
3	Năm 2020	121.870.000	85.610.000	18.260.000	9.000.000	9.000.000
3.1	Chi tập huấn giáo viên, trong đó:	26.350.000	8.090.000	18.260.000		
	Cấp THCS	18.260.000		18.260.000		
	Cấp THPT	8.090.000	8.090.000			



